TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/KDTM-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v: Tranh chấp tiền lãi hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Lê Quang Xẹt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2018/TLST-KDTM ngày 27/3/2018 về việc: "Tranh chấp tiền lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-KDTM ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH J Việt Nam; địa chỉ: Lô CN7, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ch, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984; địa chỉ: Công ty Luật B.C.M - Tầng 19, Tòa nhà Becamex, số 230 Đại lộ Bình Dương, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2017/UQ-JY ngày 15/12/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: Số 746, hẻm 43, khu phố Bình Hòa 1, đường ĐT 746, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hs; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Ngọc Th, sinh năm 1961 – Trưởng văn

phòng Luật sư Thanh và cộng sự; địa chỉ: Số 213, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017, nguyên đơn Công ty TNHH J Việt Nam và ông Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH J Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty J) có quan hệ mua bán hàng hoá với Công ty TNHH C (sau đây viết tắt là Công ty C). Ngày 01/4/2015, Công ty J và Công ty C có ký kết Hợp đồng mua bán số 023/2015 với nội dung là hai bên thỏa thuận mua bán các loại dầu chuối, sơn…

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty J đã thực hiện đúng cam kết mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng mua bán nêu trên trong việc giao hàng đúng, đủ chủng loại, số lượng mà Công ty C đặt hàng. Tuy nhiên, Công ty C không thực hiện đúng cam kết trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty J, theo đó thì tính đến ngày 03/4/2017, Công ty C còn nợ Công ty J số tiền hàng là 7.059.419.460 đồng (Bảy tỷ không trăm năm mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), chưa tính tiền lãi phạt do chậm trả.

Công ty J đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền hàng 7.059.419.460 đồng nhưng Công ty C không thực hiện mà tìm cách trì hoãn, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty J. Vì vậy, Công ty J đã khởi kiện ra trước TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền hàng 7.059.419.460 đồng nêu trên. Ngày 28/7/2017 TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-KDTM buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty J tổng số tiền nợ gốc là 7.059.419.460 đồng.

Theo hợp đồng mua bán số 023/2015 ngày 01/4/2015 giữa hai bên thì trong trường hợp Công ty C chậm thanh toán cho Công ty J thì Công ty C phải chịu tiền phạt lãi suất chậm thanh toán. Khi Công ty J khởi kiện Công ty C yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ là 7.059.419.460 đồng thì Công ty J chưa yêu cầu Công ty C thanh toán tiền phạt lãi suất chậm thanh toán cho nên trong quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo Quyết định công nhận số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017chưa giải quyết tranh chấp về tiền lãi.

Do vậy, Công ty TNHH J Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm thanh toán trên số tiền gốc là 7.059.419.460 đồng tính từ ngày từ ngày 01/1/2016 đến ngày 28/7/2017, với mức lãi suất là là 12%/năm, cụ thể:

STT	Tháng	Tiền hàng (đồng)	Tiền lãi tính đến 31/5/2016 (đồng)	Tiền lãi từ 31/5/2016 đến 31/8/2017 (đồng)	Tổng tiền lãi (đồng)

1	8/2015	500.000.000	25.000.000		25.000.000
2	9/2015	1.441.099.440	57.643.978		57.643.978
3	10/2015	974.231.940	29.226.958		29.226.958
4	11/2015	1.520.347.840	30.406.957		30.406.957
5	12/2015	1.562.414.700	15.624.147		15.624.147
6	01/2016	1.061.325.540	0	1.058.912.919	1.058.912.919
		7.059.419.460	157.902.040	1.058.912.919	1.216.814.959

Vì vậy, Công ty TNHH J Việt Nam khởi kiện Công ty TNHH C yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán tiền phạt lãi suất chậm thanh toán tính trên tổng số nợ gốc 7.059.419.460 đồng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 023/2015 ngày 01/4/2015 với tổng số tiền là 1.216.814.959 đồng (Một tỷ hai trăm mười sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P đại diện cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 7.059.419.460 đồng với mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 8%/năm và thời gian tính lãi là từ ngày 15/5/2016 đến ngày 16/7/2017 với số tiền là 658.879.149 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH C và ông Vũ Ngọc Th là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc các bên có ký kết hợp đồng mua bán và nội dung hợp đồng. Tuy nhiên trong qúa trình thực hiện hợp đồng thì có xảy ra một số vướng mắc về chất lượng sơn do Công ty TNHH J Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty J) cung cấp cho Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C). Khách hàng của Công ty C đã phản ánh và thông báo kèm theo hình ảnh sản phẩm bị ngả màu, mất độ bóng trên đường vận chuyển cũng như thiệt hại cụ thể để yêu cầu Công ty C bồi thường thiệt hại. Vì lý do đó nên việc thanh toán tiền mua hàng cho Công ty J bị chậm trễ so với thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa mà hai bên đã ký kết. Cụ thể: tính từ tháng 8/2015 đến tháng 01/2016 Công ty C còn nợ Công ty J tổng số tiền là 7.059.419.460 đồng (Bảy tỷ không trăm năm mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Ngày 16/5/2017, Công ty J khởi kiện Công ty C ra trước TAND thị xã T buộc Công ty C phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là 7.059.419.460 đồng. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017 của TAND thị xã T thì Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J tổng số tiền là 7.059.419.460 đồng. Ngày 07/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 2064/QĐ-CCTHADS. Sau khi có quyết định thi hành án thì hai bên đã thỏa thuận với nhau nhiều lần về phương án thi hành án. Tính đến ngày

30/11/2017 Công ty C đã thanh toán cho Công ty J tổng số tiền là 3.035.419.460 đồng, cụ thể:

- Ngày 31/10/2017 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng thông qua cơ quan thi hành án;

- Ngày 31/10/2017 thanh toán số tiền 1.814.869.740 đồng thông qua cơ quan thi hành án;

- Ngày 30/11/2017 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng thông qua cơ quan thi hành án.

Vào ngày 11/01/2018, Công ty C và Công ty J đã thỏa thuận với nhau bằng Biên bản làm việc tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T với nội dung Công ty C sẽ thanh toán số tiền 4.024.000.000 đồng còn lại như sau:

- Trong tháng 01/2018 Công ty C sẽ thanh toán số tiền 80.000 USD;

- Số tiền còn lại Công ty C sẽ thanh toán vào tháng 3 và tháng 4 năm 2018;

- Tiền lãi suất chậm thi hành án tính từ ngày 11/01/2018 thì Công ty C sẽ thanh toán vào tháng 5/2018.

Tuy nhiên do Công ty C gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh và thu hồi nợ từ khách hàng nên đến nay vẫn chưa thực hiện được cam kết nói trên theo Biên bản làm việc ngày 11/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Ngày 02/5/2018 Công ty C đã có văn bản cam kết thanh toán số tiền còn lại cho Công ty J. Như vậy, theo quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, tính đến ngày 11/01/2018, Công ty C chỉ còn nợ Công ty J số tiền là 4.024.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 11/01/2018 trên số tiền chậm thanh toán.

Công ty J khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền phạt chậm trả trên số tiền nợ gốc 7.059.419.460 đồng thì Công ty C không đồng ý vì khoản nợ 7.059.419.460 đồng và lãi suất chậm trả mà Công ty J khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017 của TAND thị xã T, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên Công ty J không có quyền khởi kiện nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" mà bị đơn có trụ sở tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật: Theo hợp đồng mua bán số 023/2015 ngày 01/4/2015 thì giữa Công ty TNHH J Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty J) và Công ty TNHH C (sau đây viết tắt là Công ty C) thì Công ty C có nợ Công ty J tiền mua hàng là 7.059.419.460 đồng. Ngày 03/4/2018, Công ty J có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã T yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền trên. Nội dung đơn khởi kiện không cập đến nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả. Ngày 28/7/2017, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-KDTM với nội dung Công ty C phải thanh toán số tiền nợ gốc là 7.059.419.460 đồng cho Công ty J. Ngày 15/12/2017, Công ty J tiếp tục khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán tiền lãi phát sinh cho chậm thanh toán. Như vậy, nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả tiền mua hàng theo hợp đồng mua bán nêu trên được xác định là đối tượng tranh chấp và việc Tòa án nhân dân thị xã T xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp tiền lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa" và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Đơn cam kết ngày 12/5/2016 về việc xác nhận số nợ gốc và thời hạn thanh toán thì vụ việc tranh chấp thì vụ việc tranh chấp còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về việc vắng mặt của đại diện bị đơn: Xét thấy, người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Vũ Ngọc Th đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Lời trình bày của đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn thống nhất với nhau về nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa số 023/2015 ngày 01/4/2015 và số nợ gốc là 7.059.419.460 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định số nợ gốc trên nguyên đơn có đơn tranh chấp và vụ việc đã được Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017. Hiện tại phía bị đơn Công ty C đã thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nợ theo quyết định trên. Đối với số tiền lãi

chậm trả, nguyên đơn xác định trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trước đây Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết thì nguyên đơn chưa tranh chấp số tiền lãi nên tiếp tục khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả với số tiền là 658.879.149 đồng. Đại diện bị đơn cho rằng vụ án này đã được giải quyết bằng quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[2] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 023/2015 ngày 01/4/2015 được ký kết trên cơ sở ý chí tự nguyện của các bên tham gia hợp đồng. Tại điểm 4.1, 4.3 Điều 4 của hợp đồng các bên có thỏa thuận phương thức và thời hạn thanh toán là 120 ngày kể từ ngày chốt sổ tháng, trong trường hợp chậm thanh toán thì phải thanh toán theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Dương. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 12/5/2016, nguyên đơn và bị đơn lập bản cam kết với nội dung Công ty C phải thanh toán số nợ là 7.448.483.240 đồng từ tháng 5/2016 đến tháng 04/2018, hàng tháng trước ngày 15 tây phải thanh toán cho nguyên đơn là 10.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam, thời hạn thanh toán hạn chót là ngày 15/5/2018. Bản cam kết có đại diện Công ty J và đại diện Công ty C ký xác nhận, ngoài ra các bên còn thỏa thuận nếu Công ty C thanh toán đúng hạn thì Công ty J không yêu cầu thanh toán tiền lãi. Quá trình thực hiện cam kết thì Công ty C chỉ thanh toán được số tiền 389.063.780 đồng, ngày 05/9/2016, bị đơn lập bản cam kết khác yêu cầu nguyên đơn ký nhưng nguyên đơn không đồng ý ký tên. Công ty TNHH J Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C phải trả lãi suất chậm thanh toán trên số tiền gốc là 7.059.419.460 đồng với mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 8%/năm và thời gian tính lãi là từ ngày 15/5/2016 đến ngày 16/7/2017 (14 tháng) với số tiền là 658.879.149 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

[4] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 36; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH J Việt Nam đối với bị đơn Công ty TNHH C về việc: Tranh chấp tiền lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Công ty TNHH C phải trả cho Công ty TNHH J Việt Nam số tiền 658.879.149 đồng (Sáu trăm năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí:

3.1. Nguyên đơn Công ty TNHH J Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH J Việt Nam số tiền 24.250.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013791 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

3.2. Bị đơn Công ty TNHH C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 30.355.166 đồng (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Tâm